

Bản án số: 103/2023/DS-ST  
Ngày: 26-12-2023  
“V/v trA chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DA**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Đước

Ông Nguyễn Văn Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2023/TLST-DS ngày 05-10-2023 về “TrA chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 16-11-2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S G T T.

Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang D – Phó Phòng giao dịch Long Hải.

Địa chỉ: Hương lộ 5, xã Phước H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Bà Trần H A, sinh năm 1998, địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T là ông Nguyễn Quang D trình bày: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 417/TTD-PGDLH ngày 14/11/2022 được ký kết với bà Trần H A và Ngân hàng TMCP S G T T-Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu-PGD Long Hải. Chi tiết khoản vay tín chấp thẻ tín dụng của bà Trần H A:

Số thẻ 472074-5177, số tài khoản thẻ 3136855933, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, Lãi suất thẻ thời điểm hiện tại 2.77 %/tháng, mục đích sử dụng thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân, nợ gốc đến ngày 16/11/2023: 33.078.891 đồng, lãi quá hạn và phí tồn đọng đến ngày 16/11/2023: 5.855.744 đồng.

Tổng dư nợ tính đến ngày 16/11/2023: 38.934.635 đồng.

Ngân hàng TMCP S G T T:

- Yêu cầu Tòa án buộc bà Trần H A phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 16/11/2023 số tiền là 38.934.635 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 33.078.891 đồng; nợ lãi và phí tồn đọng: 5.855.744 đồng.

- Buộc bà H A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh sau ngày 16/11/2023 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà H A trả toán dứt nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà Trần H A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai, không tiến hành phiên hòa giải được.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

*Về tố tụng:* Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhận định:

[1]*Về thẩm quyền:* Đây là quan hệ về trả chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2]*Về tố tụng:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T là ông Nguyễn Quang D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần H A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D, bà A theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]*Về yêu cầu của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt; trong quá trình tố tụng, nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Trần H A còn nợ

nguyên đơn số tiền đã vay chưa trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 16/11/2023: 38.934.635 đồng.

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 417/TTD-PGDLH ngày 14/11/2022 được ký kết với bà Trần H A và Ngân hàng TMCP S G T T-Chí nhánh Bà Rịa Vũng Tàu-PGD Long Hải đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên.

Sau khi vay bà A vi phạm nghĩa vụ thA toán nợ gốc và lãi phát sinh, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Trần H A phải thA toán cho Ngân hàng tổng số tiền là tạm tính đến hết ngày 16/11/2023 là 38.934.635 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 33.078.891 đồng; nợ lãi và phí tồn đọng: 5.855.744 đồng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Kể từ ngày 17/11/2023 bà Trần H A còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thA toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thA toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

[4] *Về án phí*: Do có nghĩa vụ trả tiền nên bà A phải chịu án phí dân sự có giá ngạch được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (DA mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 38.934.635 đồng x 5% = 1.946.731 đồng.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 345 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II (DA mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

-Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T đối với bà Trần H A.

Buộc bà Trần H A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T số tiền đến hết ngày 16/11/2023 là **38.934.635** đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng), (trong đó: Nợ gốc là: 33.078.891 (Ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm chín

mười một) đồng; nợ lãi và phí tồn đọng: 5.855.744 (năm triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 17/11/2023 bà Trần H A còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thA toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thA toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần H A phải chịu án phí là 1.946.731 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi một đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 843.000 đồng (Tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010477 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đất Đỏ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nguyễn Xuân Thu**